TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 644/2018/QĐST – HNGĐ	*Tân Bình, ngày 11 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 556/2018/TLST/HNG ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa:

Ông Ngô Trí N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đường T, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đường D, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 26, 30, 31 và Điều 32 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 36, 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Ngô Trí N, sinh năm 1983.

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1990.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Trí N và bà Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2010, Quyển số 01/P13, do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2010).

- Về con chung: Có một con chung tên Ngô Nguyễn Vĩnh P, sinh ngày 18/11/2010, khi ly hôn bà Nguyễn Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Ngô

Nguyễn Vĩnh P. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 08/2018 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mà chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84 luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do ông Ngô Trí N và bà Nguyễn Thị D chịu, được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án do ông N, bà D đã nộp theo biên lai thu số 0008452 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- UBND Phường M, quận T, Tp.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Tiến Quang